

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày 18-7-2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và ông Lê Huỳnh Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 09/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông La Văn C, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Phương T, sinh năm 1992 (Theo Văn bản uỷ quyền số 81 ngày 20/7/2022) (có mặt).

Nơi cư trú: Lô thương mại 11-10, Khu đô thị Đ, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông La Văn N, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà La Thị C1, sinh năm 1973 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố I, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bà La Thị L, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố G, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

3. Bà **Trương Thị T1**, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: **Khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.**

4. **Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang V** – Chủ tịch **Ủy ban nhân dân phường M.**

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân phường M:** Ông **Tô Văn C2**, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: **Khu phố B, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Phan Thị Phương T** trình bày:*

Vợ chồng cụ **La C3** (sinh năm 1937, chết năm 2012) và cụ **Lê Thị S** (sinh năm 1937, chết năm 2020) có 04 người con ruột gồm: Ông **La Văn C**, sinh năm: 1957, ông **La Văn N**, sinh năm: 1969, bà **La Thị C1**, sinh năm: 1973, bà **La Thị L1**, sinh năm: 1979. Ngoài 04 người con ruột thì cụ **La C3** và cụ **Lê Thị S** không có con nuôi, không có con riêng. Cha mẹ của cụ **C3**, cụ **S** đã chết từ lâu.

Quá trình chung sống, cụ **C3**, cụ **S** có tạo lập được tài sản là 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29 lập năm 2013, diện tích 207,6 m², tọa lạc tại **khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.** Vị trí tứ cận như sau: Đông giáp nhà bà **Nguyễn Thị T2**; Tây giáp nhà ông **Nguyễn L2**; Bắc giáp nhà ông **Nguyễn B** (Em); Nam giáp bờ kè. Cụ **C3**, cụ **S** chết đều không để lại di chúc, nhà và đất hiện nay ông **La Văn N** là người đang quản lý, sử dụng.

Trước đây, ông **La Văn N** có ở chung nhà với cụ **C3** và cụ **S**. Tuy nhiên, do tính cách không hoà hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vào ngày 20/7/2006, cụ **C3** và cụ **S** đã lập giấy giao kèo (*có chữ ký của các thành viên trong gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M*) với nội dung: “*Vợ chồng đồng ưng thuận cho con trai tôi tên **La Văn N**, sinh năm 1969 với số tiền là: 10.000.000 (Mười triệu đồng chẵn) để vợ chồng nó ra ở riêng*”. Ông **La Văn N** cũng có xác nhận như sau: “*Tôi là **La Văn N**, là con trai tôi xin chấp nhận theo lời của cha mẹ tôi để nhận số tiền trên. Tôi không được quyền khiếu nại và đòi hỏi một vật gì của căn nhà của cha mẹ tôi đã tạo lập. Tất cả các anh chị em đồng nhất trí giao căn nhà nói trên cho cha mẹ tôi toàn quyền sử dụng*”. Sau khi ra ở riêng một thời gian thì cuộc sống ông **N** gặp khó khăn, gia đình ông **N** không có chỗ ở. Vì thương

con, thương cháu nên ông **La Văn C** là anh cả đã gọi gia đình ông **N** về sống chung với cụ **C3**, cụ **S** để con cháu có chỗ ăn, chỗ ở, chỗ học.

Tuy nhiên, sau khi cụ **S** mất, ông **N** đã có hành vi cản trở, không cho anh chị em đến nhà từ đường để hương khói cho cha mẹ. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân phường **M** tổ chức hòa giải vào ngày 01/6/2022 nhưng không thành.

Nhận thấy đây là tài sản của cha mẹ để lại, hơn nữa đây là nhà từ đường sử dụng vào mục đích thờ cúng. Vậy nên việc ông **N** có hành vi cản trở, không cho các anh chị em đến nhà để hương khói cho cha mẹ là hành vi không phù hợp với đạo đức xã hội và trái với quy định của pháp luật.

Ông **La Văn C** khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Công nhận ngôi nhà cấp 4 nằm trên đất có diện tích đất 207,6m² thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29 năm 2013 tọa lạc tại Khu phố H, phường M TP. - T là di sản của vợ chồng ông **La C3** và bà **Lê Thị S** chết để lại.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với khối tài sản trên cho các đồng thừa kế gồm: **La Văn C**, **La Văn N**, **La Thị C1**, **La Thị L**.

2. Theo nguyện vọng của ông **C** cùng hai em gái là **La Thị C1** và **La Thị L** mong muốn sử dụng ngôi nhà này làm nhà từ đường, sử dụng chung vào mục đích thờ cúng ông bà, cha, mẹ nên yêu cầu Toà án công nhận phần di sản nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29 năm 2013 tọa lạc tại khu phố H, phường M thành phố P - T mà các ông bà **C**, **C**, **L3** được hưởng sau khi chia thừa kế thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế gồm: **La Văn C**, **La Thị C1**, **La Thị L**.

Ngày 23/10/2023, ông **La Văn C** có đơn xin được thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình. Cụ thể như sau: Yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 66, Tờ bản đồ số 29 lập năm 2013, diện tích 140,5m², tọa lạc tại khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cho các đồng thừa kế gồm: **La Văn C**, **La Văn N**, **La Thị C1**, **La Thị L**.

Hiện nay, gia đình ông **La Văn N** không có chỗ ở nào khác nên ông **C** yêu cầu nhận kỹ phần thừa kế bằng giá trị. Giá trị kỹ phần thừa kế ông **C** được hưởng ông cho bà **La Thị L**.

- Tại phiên toà bị đơn ông **La Văn N** trình bày:

Ông **N** xác nhận nội dung trình bày về quan hệ nhân thân như ông **C** trình bày là đúng.

Ông **N** xác nhận căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29 lập năm 2013, diện tích 140,5m², tọa lạc tại **khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** có nguồn gốc do cha mẹ ông là cụ **La C3** và cụ **Lê Thị S** để lại như ông **C** trình bày là đúng. Ông **N** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông **La Văn C**, vì hiện nay gia đình ông không có chỗ ở nào khác, nếu sau này ông **N** bán nhà, đất của cụ **La C3** và cụ **Lê Thị S** thì ông sẽ chia đều cho bốn người.

*Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **La Thị C1** có văn bản trình bày:*

Bà **La Thị C1** đồng ý với nội dung tại bản trình bày ý kiến của phía nguyên đơn ông **La Văn C** ngày 09/4/2024, cụ thể:

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với khối tài sản là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 66, Tờ bản đồ số 29 lập năm 2013, diện tích 140,5 m², tọa lạc tại **khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** có nguồn gốc do cha mẹ bà là cụ **La C3**, cụ **Lê Thị S** chết để lại cho các đồng thừa kế gồm: **La Văn C, La Văn N, La Thị C1, La Thị L**.

Bà yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế bằng giá trị, giá trị kỹ phần thừa kế bà **C1** được hưởng bà cho bà **La Thị L**.

*Tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **La Thị L** trình bày:*

Bà đồng ý với nội dung trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và tài sản cha mẹ chết để lại. Bà **L** đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29 lập năm 2013, diện tích 140,5m², tọa lạc tại **khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** cho các đồng thừa kế gồm: **La Văn C, La Văn N, La Thị C1, La Thị L**. Bà xin nhận kỹ phần được hưởng bằng giá trị, bà đồng ý nhận kỹ phần thừa kế mà ông **La Văn C** và **La Thị C1** cho bà.

*Tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Trương Thị T1** trình bày:*

Bà **T1** là vợ của bị đơn ông **La Văn Nhân N**, bà đồng ý với nội dung trình bày và ý kiến của ông **N** đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không có ý kiến bổ sung thêm.

*Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M: Ông **Tô Văn C2** có văn bản trình bày:*

Theo bản đồ 299/TTg năm 1987 thuộc thửa đất số 756, đất T, tờ bản đồ PL2, không thể hiện diện tích.

Theo bản đồ địa chính năm 1998 thuộc thửa đất số 217, tờ bản đồ số 5c, diện tích 137m² đất có nhà ở tên ông **La C3**.

Theo bản đồ địa chính năm 2013 thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29, diện tích 207,6m², đất có nhà ở tên bà **Lê Thị S**.

Căn cứ bản đồ năm 2013 tăng 68,9m² so với bản đồ năm 1998. Phần diện tích tăng thêm là do lấn chiếm đề nghị gia đình ông **La Văn N** phải trả cho Ủy ban nhân dân phường **M** phần diện tích đất đã lấn chiếm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 613, 614, khoản 1 Điều 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Ông **La Văn N** được quyền sử dụng diện tích 140,5 m² đất thuộc Thửa đất số 66, tờ bản đồ địa chính số 29, khu phố H, phường M.

Phân chia di sản thừa kế 04 phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 788.310.000 đồng/4 = 197.077.500 đồng. Ông **C**, ông **N**, bà **C1**, bà **L** mỗi người được hưởng 1 phần bằng giá trị.

Công nhận sự tự nguyện của ông **La Văn C** và bà **La Thị C1** về việc cho bà **La Thị L** ký phần thừa kế mà ông **C**, bà **C1** được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng.

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét

xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế tài sản;*” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại: Khu phố H, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

[2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà La Thị C1, ông Tô Văn C2 (đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân phường M) có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà C1, ông C2 theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập có căn cứ để xác định:

Cụ La C3 (sinh năm 1937, chết năm 2012), cụ Lê Thị S (sinh năm 1937, chết năm 2020), đều không để lại di chúc. Di sản các cụ để lại thừa đất số 66 (tách từ thửa số 10), tờ bản đồ địa chính số 29, thuộc phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận diện tích đất 140,5m²; Nhà cấp 4B diện tích 38,59m², nhà cấp 4B diện tích 23,54m²; Sân trước nhà 34,79m²; Nền lát gạch men 7,85m²; Nền lán xi măng 5,23m²; Mái che nhà lớn 34,79m²; Mái che nhà nhỏ 18,80m²; Nhà vệ sinh 1: 4,08m²; Nhà vệ sinh 2: 4,84m²; 01 cây dừa (loại C); Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan bà La Thị C1, bà La Thị L đều thống nhất đây là di sản do cha mẹ là cụ La C3 và cụ Lê Thị S chết để lại.

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2022, nguyên đơn ông La Văn C trình bày diện tích đất mà cụ La C3 và cụ Lê Thị S để lại thừa đất số 66, tờ bản đồ số 29 lập năm 2013, diện tích 207,6 m², tọa lạc tại khu phố H, phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ địa chính mà Ủy ban nhân dân phường M cung cấp và nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường M ngày 20/7/2023 “Thừa đất số 66, tờ bản đồ địa chính số 29 khu phố H, phường M có nguồn gốc do ông La C3 và bà Lê Thị S tạo lập sử dụng làm nhà ở từ trước năm 1993 sử dụng đến nay. Theo bản đồ đo đạc chính năm 1998 thuộc thửa đất số 217, diện tích 137m², đất ở đô thị do ông La C3 đứng tên chủ sử dụng. Theo sổ mục kê năm 1998, thửa đất có diện tích 137m² nhưng theo trích lục địa chính phục vụ cho việc xét xử số 6046/VPĐKĐĐNT-CNPRTC ngày 28/11/2022 thì thửa đất có diện tích 205,9m², việc diện tích đất tăng lên so với bản đồ năm 1998 là do lấn chiếm đất hoang do nhà nước

quản lý về cạnh hướng nam của thửa đất. Thời điểm lần chiếm là sau năm 1998 đến trước ngày 01/7/2014. Phần diện tích đất lần chiếm thêm theo quy hoạch chỉnh trang đô thị phường M được phê duyệt năm 2006 thì không thuộc đất ở chỉnh trang đô thị” (Bút lục 67)

Theo kết quả đo đạc lần 2 ngày 20/3/2024, phần diện tích thửa số 66 (tách từ thửa số 10) tờ bản đồ số 29, thuộc phường M, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận có diện tích 140,5m². Các đương sự trong vụ án: Ông La Văn C, bà La Thị C1, bà La Thị L4 cũng đề nghị Tòa án lấy kết quả đo đạc lần 2 ngày 20/3/2024 với diện tích đất 140,5m² để giải quyết tranh chấp. Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định phần diện tích đất tăng lên từ 137m² lên 140,5m² là sai số về đo đạc, do vậy xác định diện tích đất là di sản do cụ La C3, cụ Lê S chết để lại là 140,5m² để giải quyết phân chia thừa kế là có căn cứ.

[4] Về thời điểm mở thừa kế: Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Cụ La C3, sinh năm 1937, chết ngày 05/6/2012, cụ Lê Thị S, sinh năm 1937, chết ngày 26/01/2020. Thời điểm mở thừa kế của cụ L4 Cát ngày 05/6/2012, thời điểm mở thừa kế của cụ Lê Thị S ngày 26/01/2020. Theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ La C3 và cụ Lê Thị S chết để lại còn thời hiệu.

[5] Về diện và hàng thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai thống nhất của các đương sự thì cụ La C3, cụ Lê Thị S có 04 người con ruột: Ông La Văn C, ông La Văn N, bà La Thị C1, bà La Thị La . Ngoài ra, cụ La C3 và cụ Lê Thị S không có con nuôi, không có con riêng. Cha mẹ của cụ C3, cụ S đã chết từ lâu. Cụ La C3, cụ Lê Thị S chết không để lại di chúc, căn cứ Điều 613, 649, 650 và 651 Bộ luật Dân sự 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ La C3, cụ Lê Thị S có 04 người: Ông La Văn C, ông La Văn N, bà La Thị C1, bà La Thị La .

[6] Về giá trị di sản do cụ C3, cụ S chết để lại: Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số A019.0424/CT-SAG ngày 02/5/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 xác định diện tích đất 140,5m² x 14.217.039 đồng = 592.493.980 đồng; Nhà cấp 4B diện tích 38,59m² x 4.000.000 đồng/m² x 65% = 100.327.500 đồng; Nhà cấp 4B diện tích 23,54m² x 4.000.000 đồng/m² x 65% = 61.214.400 đồng; Sân trước nhà 34,79m² x 296.000 đồng x 60% = 6.178.260 đồng; Nền lát gạch men 7,85m² x 296.000 đồng/m² x 60% = 1.393.805 đồng; Nền láng xi măng 5,23m² x 177.000 x 60% = 555.638 đồng; Mái che nhà lớn 34,79m² x 741.000 đồng/m² x 60% = 15.466.523 đồng; Mái che nhà nhỏ 18,80m² x 347.000 đồng/m² x 60% = 3.914.681 đồng; Nhà vệ sinh 1: 4,08m² x 872.000 đồng/m² x 60% = 2.134.656 đồng; Nhà vệ sinh 2: 4,84m² x 872.000 đồng/m² x 60% = 2.351.242 đồng; 01 cây dừa (loại

C) 2.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là di sản của cụ **La C3**, cụ **Lê Thị S** để lại là 788.310.000 đồng (**B1** trăm tám mươi tám triệu ba trăm mười nghìn đồng) (Bút lục 138)

Tại phiên toà sơ thẩm các bên đương sự không ai có ý kiến gì đối với kết quả tài sản đã định giá nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử lấy kết quả định giá này để làm căn cứ giải quyết tranh chấp thừa kế.

Cụ **La C3**, cụ **Lê Thị S** chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất cụ **C3** và cụ **S** có 04 người, phần giá trị di sản của cụ **La C3**, cụ **Lê Thị S** được chia theo pháp luật, kỹ phần thừa kế mỗi người được hưởng là 788.310.000 đồng/4 (kỹ phần thừa kế) = 197.077.500 đồng/1 kỹ phần (Một trăm chín mươi bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Ông **La Văn C** và bà **La Thị C1** xin nhượng lại kỹ phần mà họ được hưởng cho bà **La Thị L**. Bà **L** cũng đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Như vậy, bà **La Thị L** được nhận 03 kỹ phần thừa kế (197.077.500 đồng/1 kỹ phần x 3) = 591.232.500 đồng.

Hiện nay, ông **La Văn N** và gia đình ông **N** gồm có 09 nhân khẩu, ngoài căn nhà hiện đang tranh chấp hộ ông **La Văn N** cũng không có chỗ ở nào khác. Các đồng thừa kế khác ông **la Văn C4**, **La Thị C1**, **La Thị L** cũng đồng ý để cho ông **N** được nhận nhà và ông **N** có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị tương ứng với kỹ phần thừa kế mà ông **C4**, bà **C1** và bà **L4** được nhận. Ông **La Văn N** không yêu cầu tính công sức đóng trong việc quản lý và giữ gìn tài sản là di sản thừa kế. Mặc khác, ngày 20/7/2006, cụ **C3** và cụ **S** đã lập giấy giao kèo với nội dung: “*Vợ chồng đồng ưng thuận cho con trai tôi tên **La Văn N**, sinh năm 1969 với số tiền là: 10.000.000 (Mười triệu đồng chẵn) để vợ chồng nó ra ở riêng*”. Ông **La Văn N** cũng có xác nhận như sau: “*Tôi là **La Văn N**, là con trai tôi xin chấp nhận theo lời của cha mẹ tôi để nhận số tiền trên. Tôi không được quyền khiếu nại và đòi hỏi một vật gì của căn nhà của cha mẹ tôi đã tạo lập. Tất cả các anh chị em đồng nhất trí giao căn nhà nói trên cho cha mẹ tôi toàn quyền sử dụng*”. Tuy nhiên, nguyên đơn ông **La Văn C**, những người liên quan bà **La Thị C1**, bà **La Thị L** không có ý kiến gì về vấn đề này và đề nghị chia thừa kế cho 04 người ngang phần bằng nhau. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý chịu các chi phí này, nguyên đơn đã nộp đủ.

[9] Về án phí:

Ông **La Văn N** phải chịu 9.853.875 đồng (*Chín triệu tám trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, cách tính (197.077.500 đồng đồng/1 kỳ phần x 5%).

Bà **La Thị L** phải chịu 19.707.750 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, cách tính (394.155.000 đồng đồng/1 kỳ phần x 5%). Đối với kỳ phần bà **L** được ông **C** cho ông **C** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà **La Thị L** không phải chịu án phí đối với phần ông **C** cho.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 188 của Luật đất đai 2013.

Căn cứ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **La Văn C**.
3. Chia thừa kế theo pháp luật di sản do cụ **La C3**, cụ **Lê Thị S** chết để lại:

Giao cho ông **La Văn N** được quyền sử dụng thửa đất số 66 (tách từ thửa số 10), tờ bản đồ địa chính số 29, thuộc **phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** diện tích 140,5m²; Thửa đất có vị trí tứ cận: Hướng Đông giáp thửa số 69, hướng Tây giáp thửa 67; hướng Nam phần đất ông **N** đang sử dụng thuộc đất mương do nhà nước quản lý, hướng Bắc giáp đường đi. Ông **La Văn N** được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4B (nhà lớn) diện tích 38,59m²; Nhà cấp 4B (nhà nhỏ) diện tích 23,54m²; Sân trước nhà 34,79m²; Nền lát gạch men 7,85m²; Nền lát xi măng 5,23m²; Mái che nhà lớn 34,79m²; Mái che nhà nhỏ 18,80m²; Nhà vệ sinh 1: 4,08m²; Nhà vệ sinh 2: 4,84m²; 01 cây dừa (loại C).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông **La Văn C**, bà **La Thị C1** cho bà **L4** Thì Là kỹ phần thừa kế mà ông **C**, bà **C1** được hưởng.

Ông **La Văn N** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **La Thị L** số tiền 591.232.500 đồng (Năm trăm chín mươi một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

4. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Nguyên đơn ông **La Văn C** đồng ý chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá, ông **La Văn C** đã nộp đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên còn phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- Ông **La Văn N** phải chịu 9.853.875 đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **La Thị L** phải chịu 19.707.750 đồng (Mười chín triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **La Thị L** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/7/2024. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **La Thị C1**, ông **Tô Văn C2** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Đính kèm Bản án là trích lục số 1040/VPĐKĐĐNT-CNPRTC ngày 01/4/2024 của Văn phòng Đ – Chi nhánh P - T).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Bình Nguyễn Thị Minh Trâm

Nguyễn Xuân Hùng